

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Ngọc Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Đăng

Ông Nguyễn Hồ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 504/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 577/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/07/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 482/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/08/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh ngày 12/06/1987; hộ khẩu thường trú: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An); hiện sống và làm việc tại Đài Loan; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 03/08/1986; địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An); vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị B, sinh năm 1955 và ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; cùng địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An); đều vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng K tại Đ) của nguyên đơn – chị Trần Thị H trình bày: chị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết

hôn vào ngày 21/12/2009, tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian, đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, sống xa nhau nhiều năm nên dẫn đến thường xuyên cãi vã, tình cảm lạnh nhạt dần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: chị H và anh P có hai con chung là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 28/09/2014. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi hai con chung và nhờ mẹ đẻ chị H là bà Thái Thị H1 (địa chỉ: xóm E Đ, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An) chăm sóc, nuôi dưỡng; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh P có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc các con thì chị H đề nghị mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung, không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; nếu các con có nguyện vọng ở với ai thì tôn trọng nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn Văn P: quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn P vắng mặt. Chị Trần Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh P cư trú, chỉ biết anh P đang sinh sống tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh P thông qua ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B (là bố mẹ đẻ anh P), tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông N, bà B cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn.

Tại "Đơn trình bày" có tại hồ sơ vụ án, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn P; anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2015 đến nay; anh P thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại, qua mạng xã hội nhưng do anh P không cho ông bà địa chỉ cụ thể của anh P tại nước ngoài nên ông, bà không thể cung cấp địa chỉ của anh P cho Tòa án. Ông, bà đã thông tin cho anh P biết việc chị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết việc ly hôn với anh P và anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh P, chị H có hai con chung là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 28/09/2014, ông bà chăm sóc từ tháng 3/2015 đến nay. Nếu chị H, anh P ly hôn, ông bà không yêu cầu chị H, anh P hoàn trả tiền công, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Nếu Tòa án giao các con chung của chị H, anh P cho anh P hay chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông bà đều có nguyện vọng được tiếp tục chăm

sóc, nuôi dưỡng các cháu trong thời gian bố (mẹ) các cháu đang ở nước ngoài cho đến khi bố (mẹ) các cháu về nước để đảm bảo sự ổn định cuộc sống cho các cháu. Ông bà cam đoan chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu với điều kiện tốt nhất.

Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào của anh P thể hiện ý kiến liên quan đến nội dung giải quyết vụ án trên.

Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T trình bày: mẹ bố mẹ đẻ các cháu là Nguyễn Văn P, Trần Thị H. Hiện các cháu đang ở với ông, bà nội các cháu là Nguyễn Văn N, Trần Thị B. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố và ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Nguyễn Văn P đã được thân nhân cung cấp các thông tin về việc chị Trần Thị H khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Chị Trần Thị H, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, là đúng quy định.

Về nội dung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N (nay là xã T), tỉnh Nghệ An vào ngày 21/12/2009, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn P. Đề nghị giao hai con chung là Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét; tạm giao các con chung cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng; về tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng và cấp dưỡng nuôi con: do không ai yêu cầu nên ông N, bà B không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Vụ án về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa nguyên đơn - chị Trần Thị H và bị đơn - anh Nguyễn Văn P; chị H, anh P đều có hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã K, huyện N (nay là xã T), tỉnh Nghệ An; nguyên đơn hiện đang ở Đài Loan; bị đơn đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1 ngày 30/5/2018 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn P vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B (là bố, mẹ đẻ anh P), địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N (nay là xã T), tỉnh Nghệ An; yêu cầu ông N, bà B cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án trên giữa chị H và anh P. Tuy nhiên, ông N, bà B không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh P, do anh P không cho ông biết. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh P liên quan đến vụ án trên, nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo, cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh P theo đúng quy định pháp luật.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị H, ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228; xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N (nay là xã T), tỉnh Nghệ An, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do không hợp tính tình, sống xa nhau nhiều năm, thường xuyên cãi vã là tình cảm phai nhạt. Chị H tha thiết được ly vì cho rằng tình cảm vợ chồng đã thực sự khô cạn, không thể đoàn tụ. Xét thấy: tình trạng tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn P theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P có hai con chung là Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T; hiện các cháu đang ở cùng ông bà nội là ông N, bà B.

Xét thấy: chị H đang sống và làm việc tại Đài Loan (có địa chỉ cụ thể); anh P sống ở nước ngoài, không rõ địa chỉ. Cần chấp nhận nguyện vọng của chị Trần Thị H, giao hai con chung là Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ông N, bà B đều có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của chị H, anh P, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và đề nghị của chị H. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con chung, tạo điều kiện để các con chung của chị H, anh P sinh sống, học tập tốt trong khi chị H, anh P đang ở nước ngoài, cần chấp nhận nguyện vọng của ông N, bà B, các con chung của chị H, anh P và đề nghị của chị H, theo đó giao hai con chung là Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T cho ông N, bà B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài. Không giải quyết hoàn trả tiền công, chi phí nuôi Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T và cấp dưỡng nuôi con, do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 97, Điều 102, khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: giao hai con chung của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn P là Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 02/12/2010 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 28/09/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị B: tạm giao Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T cho ông N, bà B chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị H về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết.

Về tiền công, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Thị Phương L và Nguyễn Thị Phương T: Tòa án không giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (bà Vũ Thị C nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007932 ngày 06 tháng 06 năm 2025.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thiên Nhẫn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

